

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy
về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại đến năm 2025;
định hướng đến năm 2030.**

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. (gọi tắt là *Nghị quyết 21*); Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, thực tế của huyện để thực hiện có hiệu quả góp phần phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại.

2. Yêu cầu

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng. Xác định đây là nội dung quan trọng cần phải được thực hiện theo sự chỉ đạo, điều hành chặt chẽ, toàn diện của cấp ủy từ huyện đến cơ sở, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp và của toàn dân.

- Trong chỉ đạo thực hiện phải kiên quyết, sát sao, cụ thể, tránh hình thức; đặt ra yêu cầu có chuyển biến từng khâu, phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ, hiệu quả giữa các ngành, đơn vị đối với những công việc có liên quan, lấy mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại là nhiệm vụ đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của huyện, hướng tới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2025 của ngành nông nghiệp theo giá thực tế đạt 5 -6%/năm. Tỷ trọng ngành nông nghiệp

chiếm 30,3% cơ cấu kinh tế của huyện; cơ cấu khu vực nông nghiệp: nông nghiệp 97-98%, lâm nghiệp 1,0-1,5%, chăn nuôi 1,0-1,5% (trong đó, cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Trồng trọt 85 - 87%, chăn nuôi 9 - 9,5%, dịch vụ 3,5 - 4%). Năng suất lao động trong nông nghiệp tăng bình quân 5 -6%.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất canh tác nông nghiệp, nâng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích bình quân đạt 150 triệu đồng/ha/năm (giá trị thu nhập bình quân trên 75 triệu đồng/ha/năm); có trên 25% diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao (trong đó có ít nhất 20 ha nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn); trên 30% diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về an toàn thực phẩm, bền vững. Đến năm 2025, tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt trên 80%, trong đó chế biến trên 25%; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch giảm dưới 10%.

- Đẩy mạnh chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đến năm 2025, có 21 chuỗi liên kết, có ít nhất 20 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP cấp tỉnh, 1-2 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP quốc gia.

- Giá trị xuất khẩu hàng năm tăng 4- 5%; kim ngạch xuất khẩu nông sản đến năm 2025 đạt 6 triệu USD, tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chế biến, chế biến sâu đạt từ 30%.

- Thu nhập của người dân khu vực nông thôn tăng 1,3 lần so với năm 2020; trong đó, thu nhập người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số bằng 60% thu nhập bình quân toàn huyện.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi và hạ tầng chế biến sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo trên 90% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được cứng hóa; có trên 92% diện tích cây trồng chủ lực được nước tưới.

- Tập trung chuyển đổi số trong nông nghiệp một cách toàn diện, đồng bộ từ quản lý đến tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp. Đến năm 2025 trên địa bàn huyện có trên 40 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó 56% hợp tác xã được đánh giá hoạt động hiệu quả. Xây dựng quy chế về nâng cao chất lượng hoạt động hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn, hằng năm có đánh giá, phân loại, sơ kết, tổng kết.

- Xây dựng Huyện Bảo Lâm đạt tiêu chí huyện nông mới trước năm 2025, trong đó ít nhất có 04 xã đạt nông thôn mới nâng cao; 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về tiêu chí môi trường, giáo dục, an ninh trật tự,...

2. Định hướng đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2025-2030 của ngành nông nghiệp theo giá thực tế đạt 6 - 6,5%/năm. Tỷ trọng ngành nông nghiệp

chiếm 29-30% cơ cấu kinh tế của huyện. Năng suất lao động trong nông nghiệp tăng bình quân 6 - 6,5%.

- Giá trị sản xuất bình quân 185 triệu đồng/ha/năm (*giá trị thu nhập bình quân trên 85 triệu đồng/ha/năm*); trong đó diện tích kém hiệu quả giảm xuống dưới 2%. Có trên 30% diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao (*trong đó có ít nhất 30 ha nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn*); trên 40% diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về an toàn thực phẩm, bền vững. Đến năm 2030, tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt trên 90%, trong đó chế biến trên 35%; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch giảm dưới 8%.

- Chú trọng xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện. Đến năm 2030, toàn huyện có ít nhất 35 chuỗi liên kết, trên 35 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP cấp tỉnh, 3-4 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP quốc gia.

- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng năm đạt khoảng 5 -6%. Kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 10 triệu USD.

- Thu nhập của người dân khu vực nông thôn đạt 110 triệu đồng/năm, trong đó, thu nhập người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số bằng 75% thu nhập bình quân toàn huyện.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi và hạ tầng chế biến sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo trên 95% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được cứng hóa; có trên 95% diện tích cây trồng chủ lực được nước tưới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp phát triển theo từng lĩnh vực sản xuất theo lợi thế từng vùng.

1.1. Trồng trọt:

a) Cây cà phê:

- Ổn định diện tích cây cà phê đến năm 2025 là 36.000 ha, năng suất bình quân đạt 35 tạ nhân/ha. Tiếp tục rà soát, đánh giá, bổ sung vào cơ cấu giống có chất lượng phù hợp với các tiểu vùng; tuyên truyền vận động và hỗ trợ nông dân thông qua các chương trình tái canh, cải tạo giống cà phê, nâng tỷ lệ diện tích cà phê là các giống có năng suất, chất lượng cao đạt 97% tổng diện tích cà phê của huyện.

- Từng bước cơ giới hóa kỹ thuật thu hái, làm khô, khuyến khích áp dụng kỹ thuật chế biến ướt, đầu tư hệ thống kho chứa đảm bảo kỹ thuật để nâng cao chất lượng cà phê nhân xuất khẩu, giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch xuống dưới 10% để nâng cao tỷ trọng sản phẩm, đưa tỷ lệ cà phê được cấp chứng chỉ 4C, UTZ,

RainForest,...lên 55-60% vào năm 2025.

- Mở rộng mạng lưới điện, đường giao thông nội đồng để thuận lợi cho cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch sản phẩm; áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cà phê và nâng diện tích chủ động nước tưới lên trên 92% để đáp ứng nhu cầu trong quá trình sản xuất. Hoàn thiện vùng sản xuất cà phê ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại xã Lộc Đức, quy mô trên 300 ha.

- Thực hiện có hiệu quả công tác chuyển giao quy trình kỹ thuật, trồng cây che bóng bằng các loại cây hợp lý trên diện tích trồng cà phê để vừa tăng độ che bóng, chắn gió cho cây trồng vào mùa khô, vừa đem lại thu nhập trên đơn vị diện tích; đồng thời hướng dẫn người dân sử dụng các loại chế phẩm sinh học để ủ vỏ cà phê và các loại phụ phẩm nông nghiệp khác thành phân hữu cơ vi sinh đảm bảo chất lượng cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng chính và cây trồng xen; góp phần giải quyết nguồn gốc ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn; giảm giá thành vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

b) Cây chè:

- Duy trì diện tích cây chè đến năm 2025 là 6.000 ha, tập trung chuyển đổi cơ cấu, chất lượng giống để tăng năng suất chè bình quân toàn huyện lên 15 tấn chè búp tươi/ha. Tiếp tục chuyển đổi giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, lũy kế đến năm 2025 diện tích chè cành cao sản, chè chất lượng cao đạt 94% tổng diện tích, áp dụng công nghệ tưới chủ động đạt trên 92%.

- Áp dụng quy trình mới trong sản xuất, thu hoạch, vận chuyển, bảo quản chè để giảm tổn thất về chất lượng. Hỗ trợ tạo liên kết trong sản xuất và xúc tiến đầu tư, thương mại nâng cao hiệu quả và giá trị sản xuất chè tại địa phương.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư vào vùng sản xuất chè ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại xã Lộc Tân đã được UBND tỉnh Lâm Đồng công nhận.

c) Cây ăn quả và các cây trồng khác:

- *Cây Bơ, Sầu riêng:* Tập trung hỗ trợ về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch bảo quản và tiêu thụ, diện tích đến năm 2025 đạt 8.000 ha, trong đó chủ yếu là trồng xen trong vườn chè, cà phê để tạo thu nhập ổn định trên cùng một đơn vị diện tích.

- *Cây Mắc ca:* Chú trọng phát triển trồng cây Mắc ca trên diện tích đất sản xuất nông nghiệp có độ dốc cao, kém hiệu quả, trồng trên đất lâm nghiệp được nhà nước cho phép nhằm tăng tỷ lệ che phủ rừng. Đến năm 2025 diện tích trồng cây Mắc ca đạt 1.656 ha, sản lượng ước đạt 1.117 tấn.

- *Cây dâu tằm:* Bám sát vào nội dung Đề án phát triển bền vững ngành dâu tằm tơ trên địa bàn huyện Bảo Lâm giai đoạn 2019-2023 để phát triển nghề trồng

dâu nuôi tầm theo định hướng chung của tỉnh. Phân đầu đến năm 2025, diện tích Dâu tầm đạt 900ha tại các xã Lộc Tân, Lộc Đức, Lộc Nam, Lộc Ngãi, Lộc Bắc, Lộc Bảo và các xã khác có nhu cầu; đồng thời tập trung đầu tư hỗ trợ các mô hình cơ giới hóa trồng dâu nuôi tầm, nhà nuôi tầm theo hướng công nghệ cao; tổ chức tập huấn tuyên truyền cho các tổ chức cá nhân phát triển nuôi tầm theo kỹ thuật mới.

- *Các cây trồng khác*: Tập trung rà soát những diện tích cây trồng không còn phù hợp để có chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao, theo đặc điểm thực tế của mỗi vùng. Đến năm 2025 cơ bản các diện tích sản xuất kém hiệu quả trên địa bàn huyện được chuyển đổi theo hướng sản xuất nông nghiệp tăng năng suất chất lượng nông sản theo hướng bền vững. Tiếp tục thử nghiệm theo dõi đánh giá làm cơ sở để khuyến cáo, hỗ trợ người dân sản xuất để nâng cao thu nhập.

1.2. Chăn nuôi – thủy sản

- Chú trọng phát triển vật nuôi có tiềm năng và lợi thế, tăng chất lượng đàn, phát triển số lượng phù hợp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nâng cao hiệu quả để tăng sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua việc liên kết sản xuất, đảm bảo mục tiêu cơ bản về lợi ích cho người chăn nuôi và người tiêu dùng; phát triển chăn nuôi trang trại, công nghiệp, mở rộng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường gắn với xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung cách biệt khu dân cư, đảm bảo điều kiện về môi trường; kết hợp chăn nuôi với trồng cây nông nghiệp, xây dựng, nâng cấp cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đến năm 2025 cơ cấu đàn lợn nái ngoại đạt trên 90%; tăng tỷ lệ đàn lợn trong trang trại chăn nuôi tập trung lên trên 50% so với tổng đàn lợn toàn huyện. Tập trung chăn nuôi gia cầm công nghiệp, sử dụng thức ăn vi sinh; tăng tỷ lệ cơ cấu đàn gia cầm nuôi tập trung trong các trang trại lên trên 75% so với tổng đàn gia cầm toàn huyện. Phát triển, cải thiện đàn bò địa phương hướng đến chất lượng như: Bò Laisin, BBB,...phù hợp với từng vùng sinh thái và nhu cầu của thị trường nhằm tạo ra tăng trưởng nhanh cho ngành chăn nuôi.

- Khuyến khích phát triển nuôi cá nước ngọt truyền thống; tận dụng, khai thác hiệu quả, bền vững các diện tích mặt nước hồ chứa thủy lợi, mặt nước khác để duy trì và mở rộng đối tượng thủy sản nước lạnh.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh trong nông nghiệp theo hướng bền vững về môi trường, từng bước nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp.

2.1. Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn

- Chuyển đổi số một cách toàn diện, đồng bộ từ khâu quản lý đến quá trình sản xuất. Thực hiện hiệu quả các chính sách, nguồn vốn đầu tư để phát triển hạ tầng thông tin; đẩy mạnh tạo lập dữ liệu, số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh...; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; ứng dụng vào quản lý, giám sát tài nguyên rừng; quản lý hồ đập, phòng, chống và cảnh báo thiên tai.

- Phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu nông dân; trong đó, cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp làm nòng cốt, nông dân tham gia tích cực trong việc thu nhập, chuẩn hóa, cung cấp dữ liệu; nền tảng số kết nối nông dân và chuyên gia nông nghiệp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ, phân tích, phát hiện sớm dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển và đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn gồm: phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, xây dựng nền tảng số dùng chung; xây dựng nông thôn số, nông dân số; tin học hóa các quy trình nghiệp vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, phòng chống thiên tai, nông thôn đảm bảo liên thông, chia sẻ thông tin dữ liệu theo Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý chuỗi...; quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phấn đấu đến 2025, có khoảng 1-2% diện tích canh tác được ứng dụng công nghệ số.

- Đẩy mạnh ứng dụng mạng thông tin trong kinh doanh, quảng bá sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ đưa các sản phẩm nông sản vào quảng bá, giao dịch, tiêu thụ trên Sàn thương mại điện tử như: Sendo của FPT, Voso của Viettel Post, Postmart của VnPost, Tiki-BigC/GO, Shopee và Lazada, sàn postmart, sàn voso; tiêu thụ thông qua các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích như: Big C, Vinmart&Vinmart+, MM Mega MarKet, Aeon, Lotte, Co.opFood, Intimex, Fivimart và Citimart, Vincom, bách hóa xanh; sử dụng các kênh Facebook, Zalo, livestream...

2.2. Tiếp tục phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ

- Định hướng quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn gắn với phát triển du lịch canh nông tại các vùng sản

xuất được hình thành.

- Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đối với các cây trồng chủ lực trên địa bàn. Rà soát, bổ sung quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đến năm 2025, huyện có thêm 1- 2 vùng sản xuất ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, quy mô trên 600 ha; có ít nhất 1-2 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh được UBND tỉnh công nhận.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch số 77/KH-UBND, ngày 28/4/2021 của UBND huyện Bảo Lâm. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ thông minh trong sản xuất như: ứng dụng đồng bộ IoT, đầu tư cơ giới hóa các loại máy móc phân loại sản phẩm, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch...

2.3. Cơ giới hóa, tự động hóa

- Ứng dụng đa dạng hóa các loại hình công nghệ, máy móc thiết bị cơ giới vào sản xuất, đặc biệt là khâu thu hoạch nhằm tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ tổn thất trong quá trình sản xuất. Chú trọng phát triển công nghệ sau thu hoạch, tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đều được liên kết với các trung tâm sau thu hoạch để thực hiện chức năng phân loại, đóng gói, vận hành quản lý sản phẩm theo công nghệ tự động, công nghệ số.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản; ưu tiên thu hút đầu tư các nhà máy chế biến tại các vùng nguyên liệu tập trung trái cây (*sầu riêng, bơ, mắc ca...*), cà phê, chè, dâu tằm,... với quy mô, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Áp dụng quy trình chế biến hiện đại theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu thụ ở các thị trường cao cấp.

3. Phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn nhằm giảm thiểu tác động môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tập trung xây dựng các mô hình sản xuất theo hướng bền vững, nông nghiệp hữu cơ thân thiện với môi trường; tuyên truyền, vận động người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón đúng liều lượng, sử dụng nước tưới theo hướng tiết kiệm để giảm thiểu tác động lên môi trường sản xuất và môi trường sống.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu; nhân rộng và phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn để khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ, nguồn phụ phẩm, phế phẩm tái chế để phục vụ lại cho sản xuất, tránh lãng phí tài nguyên, giảm chi phí đầu tư, hướng tới đáp ứng đa mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng cho người sản xuất; bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng; ứng dụng và nhân rộng các quy trình

canh tác tổng hợp theo hướng an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh, từng bước giảm thiểu diện tích nhà kính chưa đạt chuẩn ở những nơi ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hình thức khép kín, ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn sinh học, áp dụng triệt để các giải pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; thực hiện di dời, chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở trong khu vực không được phép chăn nuôi.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước,... phục vụ phát triển nông nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình canh tác theo hướng cảnh quan bền vững, giảm thiểu ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường; sử dụng những loại giống cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các biện pháp, giải pháp phòng chống phá rừng, vi phạm luật lâm nghiệp, suy thoái chất lượng rừng; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của rừng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh phát triển rừng bền vững, đầu tư trồng các loại cây lâm nghiệp, cây đa mục đích, cây dược liệu phù hợp với điều kiện từng vùng; phát triển hợp lý các loại hình du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng dưới tán rừng; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, hiệu quả kinh tế của rừng góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, rà soát các công trình thủy lợi có nguy cơ mất an toàn và có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp kịp thời, xử lý nghiêm các hành vi lấn chiếm hành lang hồ, đập, lòng hồ. Trang bị trang thiết bị cần thiết và tổ chức tập huấn, diễn tập để phòng chống thiên tai cho các cấp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại khi có thiên tai xảy ra. Có kế hoạch chuyển đổi các diện tích canh tác thiếu nước tưới sang các loại cây trồng phù hợp hơn để nâng cao hiệu quả sản xuất.

4. Xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm nông nghiệp thông minh trên cơ sở phát triển liên kết chuỗi giá trị bền vững hiệu quả

- Xây dựng chính sách hỗ trợ người nông dân trở thành chủ thể sản xuất hàng hóa thực sự, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị.

- Phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nhu cầu thị trường cao của huyện và gắn kết các vùng chuyên canh nhỏ, các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị, trong đó xác định các doanh nghiệp, hợp tác xã là tác nhân chính để gắn kết, phát triển chuỗi giá trị theo tiêu chí “*Doanh nghiệp là nòng*

cốt, kinh tế tập thể, hợp tác xã là trung tâm, nông dân là chủ thể". Phân đầu đến 2025 phát triển 05 chuỗi, nâng tổng số chuỗi liên kết sản xuất trên địa bàn huyện đạt 21 chuỗi, tỷ lệ tiêu thụ nông sản qua chuỗi liên kết khoảng 30%.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản; ưu tiên thu hút đầu tư các nhà máy chế biến tại các vùng nguyên liệu tập trung như: chè, cà phê, cây ăn trái, tơ tằm với quy mô, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã nhân rộng các dự án sơ chế, bảo quản nông sản. Đến năm 2025 tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt trên 70-80%, trong đó chế biến đạt trên 25%; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch giảm dưới 10%.

- củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại, trong đó tập trung phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp chuyên canh, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các xã viên, hộ gia đình. Đến năm 2025 trên địa bàn huyện có 40 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, các hợp tác xã được đánh giá hoạt động hiệu quả.

5. Từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả và hiện đại

- Huy động các nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả và hiện đại đáp ứng với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030. Tổ chức thực hiện tốt công tác phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước gắn với xây dựng nông thôn mới theo Kế hoạch số 7948/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Tập trung đầu tư xây dựng công trình bờ bao phòng, chống hạn, lũ lụt kết hợp giao thông nông thôn, chống sạt lở bờ sông, tiêu thoát nước; góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng do sạt lở, lụt bão, thiên tai.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của người dân trong quản lý khai thác bảo vệ các công trình thủy lợi, cấp nước, đồng thời bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn nước. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý an toàn hồ chứa nước trên địa bàn huyện.

6. Tạo đột phá ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước

- Xây dựng bộ máy đồng bộ về con người và trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước, ứng dụng khoa học công nghệ. Nâng cao trình độ cán bộ chuyên môn để chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung giải quyết các khâu then chốt, ứng dụng nhanh thành quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ cao để tạo tăng trưởng đột phá. Đồng thời, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân.

- Thực hiện thí điểm và nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả, gồm: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp du lịch, vườn mẫu, trang trại mẫu.

- Áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, đặc biệt là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chọn lựa, ứng dụng phù hợp các loại công nghệ mới hiệu quả, thân thiện với môi trường; nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa, tiến tới công nghệ thông minh từ sản xuất đến thu hoạch bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị. Đến năm 2025 diện tích sản xuất đạt tiêu chí nông nghiệp công nghệ cao chiếm trên 25% diện tích canh tác toàn huyện; tiếp tục phát triển và hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh theo ngành, hàng trên các cây trồng, vật nuôi có lợi thế cạnh tranh của huyện.

- Thay đổi hình thức chuyển giao khoa học kỹ thuật từ đầu tư các mô hình cho các nông hộ nhỏ lẻ bằng đầu tư vào các liên kết, hợp tác xã, tổ hợp tác để tạo hiệu quả nhân rộng; đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin để thay đổi hình thức tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp với phong cách làm việc thân thiện, trách nhiệm và hỗ trợ dịch vụ công, tạo đột phá trong thu hút đầu tư. Trang bị kiến thức về công nghệ, hội nhập quốc tế, thể chế hoá các quy định phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

7. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực.

- Tranh thủ nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài về các lĩnh vực hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân nông thôn, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nghèo, an sinh xã hội.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn huyện trong việc mở rộng vùng trồng, phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo chất lượng để tham gia sâu, rộng vào chuỗi giá trị, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước mà Việt Nam đã và đang ký kết (CPTPP, EVFTA, RCEP, ...) đối với các mặt hàng giá trị cao, lợi thế của huyện.

- Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các giải pháp của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Vận dụng các chính sách một cách linh hoạt để đẩy mạnh thu hút FDI, đặc biệt trong

lĩnh vực chế biến, giống, công nghệ cao.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này của Huyện ủy, Đảng ủy các xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương mình.
2. UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy và Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy.
3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn tổ chức học tập, quán triệt, triển khai và tuyên truyền sâu rộng kết quả thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này trên địa bàn huyện.
4. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện chủ động chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát, phản biện xã hội về các nội dung có liên quan phù hợp với điều lệ, chức năng, nhiệm vụ được giao.
5. Các Ban của Huyện ủy và Văn phòng Huyện ủy giúp Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.
6. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện ủy viên chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các ngành, địa phương được phân công phụ trách triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy,
- MTTQVN và đoàn thể huyện,
- Các phòng, ban, đơn vị của huyện,
- Các đ/c Huyện ủy viên,
- Các TCCS Đảng,
- Lưu: Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Nguyễn Trung Kiên

